

Bản án số:38/2023/DS-ST
Ngày:17/03/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí.
2. Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐHPT ngày 08 tháng 02 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/QĐHPT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tr D, sinh năm 1991; bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ: số nhà 58, tổ 02, ấp Nh L, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú ấp Long Thị A, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang; địa chỉ hiện tại: số nhà 43, tổ 02, ấp Nhơn An, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 15.03.2022; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 43, tổ 02, ấp Nhơn An, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H trình bày, do chỗ quen biết với vợ chồng bà L, ông Tr, ông có tham gia hội do bà L làm chủ, số tiền bà L hưởng hoa hồng từ các hội viên khác hót. Đến kỳ mở hội, hội viên nào mở giá hội cao nhất thì được hót hội. Chủ hội có trách nhiệm thu tiền các hội viên khác giao cho người hót được và hưởng hoa hồng. Ông D, bà H tham gia 06 đây hội cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 3.000.000đ/tháng khai ngày 04/11/2020 (al) hội có 22 hội viên, đây hội này vợ chồng ông tham gia 01 phần (trong đây hội này chủ hội ghi tên thêm 3 năm số thứ tự số 04). Hội khai đến lần thứ 20 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó đây hội này vợ chồng ông châu được 20 lần, số tiền châu hội sống là = 48.120.000.000.đồng. Hội hiện nay đã mãn.

Dây hội thứ hai: Hội 3.000.000đ/tháng khai ngày 04/11/2020 (al) hội có 22 hội viên, đây hội này vợ chồng ông tham gia 02 phần (trong đây hội này một chỉ hội ghi tên thêm 3 năm số thứ tự số 02), một phần ghi số thứ tự 14, hội khai đến lần thứ 20 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó đây hội này vợ chồng ông châu được 40 lần, số tiền châu hội sống là = 47.620.000 đồng x 2 = 95.240.000 đồng, Hội hiện nay đã mãn.

Dây hội thứ ba: Hội 2.000.000đ/tháng khai ngày 25.02.2021 (aL), hội có 24 hội viên, vợ chồng ông tham gia 02 phần (trong đây hội này chủ hội ghi tên “T 3 và D” năm số thứ tự số 04, 05). Hội khai đến lần thứ 16 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó đây hội này vợ chồng ông châu được số tiền hội sống là 27.000.000 đồng x 2 = 54.000.000 đồng.

Dây hội thứ tư: Hội 2.000.000đ/tháng khai ngày 15/8/2021 (aL), hội có 24 hội viên, vợ chồng ông tham gia 01 phần (trong đây hội này chủ hội ghi tên “T 3 D” năm số thứ tự số 03). Hội khai đến lần thứ 10 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó đây hội này vợ chồng ông châu được số tiền hội sống là 18.000.000 đồng

Dây hội thứ năm : Hội 5.000.000đ/tháng khai ngày 08/9/2021 (aL), hội có 22 hội viên, vợ chồng ông tham gia 01 phần (trong đây hội này chủ hội ghi tên “D” năm số thứ tự số 07). Hội khai đến lần thứ 10 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó đây hội này vợ chồng ông châu được số tiền hội sống là 37.000.000 đồng

Dây hội thứ sáu: Hội 1.000.000đ/tháng khai ngày 09/3/2022 (aL), hội có 28 hội viên, vợ chồng tôi tham gia 03 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên “ T3, D, H,” nằm số thứ tự số 09,10,21). Hội khai đến lần thứ 04 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này vợ chồng ông châu được số tiền hội sống là 3.000.000 đồng x 3 = 9.000.000 đồng.

Đến ngày 19.06.2022 (a1) thì vợ chồng bà L và ông Tr mời vợ chồng ông cùng các hội viên khác đến nhà vợ chồng ông bà đề tuyên bố bế hội, và xin trả dần nhưng sau đó vẫn không thực hiện trả số tiền hội cho vợ chồng ông.

Tổng cộng 06 dây hội mà vợ chồng bà L và ông Tr nợ vợ chồng tôi là 261.360.000 đồng nhưng sau đó có trả được 6.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại vợ chồng tôi 255.360.000 đồng.

Nay vợ chồng ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Hoàng Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền hội 255.360.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa ngày 17.02.2023 người đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ L là ông Nguyễn Thành Th trình bày: Đối với số nợ ông D, bà H vừa trình bày thì bà L cũng thống nhất hiện nay còn nợ ông D, bà H số tiền hội 255.360.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng) do hoàn cảnh gia đình bà L hiện nay khó khăn, cho bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền hội 255.360.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng)

Không chấp nhận yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số tiền nợ hội 255.360.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng) cho vợ chồng ông D, bà H.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hội viên (bản photo).

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền cho ông Nguyễn Phùng Thịnh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Tr D đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Th cũng thống nhất số nợ nhưng xin được trả dần.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án.

Do quen biết, nên ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H có tham gia 06 dây hụi do bà Nguyễn Thị Mỹ L làm chủ trong đó 02 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 04/11/2020 (âm lịch), có 44 phần, ông D, bà H tham gia 03 phần; 02 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25/02/2021 và 15/8/2021 (âm lịch), có 44 phần, ông D, bà H tham gia 03 phần; dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 08/9/2021 (âm lịch), có 22 phần, ông D, bà H tham gia 01 phần; dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 09/3/2022 (âm lịch), có 28 phần, ông D, bà H tham gia 03 phần, tên hụi viên trên sổ hụi là Thím 3, D và H, đã đóng hụi được với tổng số tiền vốn 261.360.000 đồng. Đến ngày 19/6/2022 (âm lịch), bà L tuyên bố vỡ hụi và có trả được 6.000.000 đồng, còn nợ 255.360.000 đồng. Nay, yêu cầu bà L và ông Đặng Hoàng Tr (chồng bà L) liên đới trả 255.360.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, phía bà L thống nhất số tiền nợ hụi, tuy nhiên không đồng ý đối với yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr cùng liên đới với bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số tiền 255.360.000 đồng. Hiện tại hoàn cảnh bà L khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy, căn cứ ông D, bà H khởi kiện là các sổ hụi ngày 09/3/2022, 08/9/2021, 15/8/2021, 25/02/2021, 04/11/2020 (âm lịch), hụi 1.000.000 - 5.000.000 đồng/tháng và các biên bản xác minh đối với các hụi viên xác định có tham gia các dây hụi do bà L làm chủ cùng với ông D, bà H nên có cơ sở xác định việc giao dịch hụi giữa ông D, bà H và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận do bà L tự ý ngưng hụi, không được sự đồng ý của các hụi viên, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên ông D, bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ 255.360.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Đối với ông Tr, không trực tiếp giao dịch hụi với ông D, bà H, giữa ông Tr và bà L xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn nên không có cơ sở xem xét buộc ông Tr liên đới cùng bà L trả số nợ trên.

Về tính lãi suất, do ông D, bà H không yêu cầu nên không đề cập đến.

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H số tiền nợ hui 255.360.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr liên đới cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số nợ hui 255.360.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Hoàng Tr có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui cho ông, bà là 255.360.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng). Bà L, ông Tr có nơi cư trú tại ấp Nhơn An, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt ông Tr. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai và lời trình bày của ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa ông D, bà H có ký kết hợp đồng góp hui giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do bà L tự ý ngưng không khai hui tiếp tục nhưng bà L không trả số tiền hui khi ông D, bà H có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do ông D, bà H.cung cấp có danh sách các dây hui thể hiện dây hui được bà L ghi tên T 3, thiếu 3, D nằm các số thứ tự trong từng dây hui.

Lời khai của người làm chứng cùng với dây hui với ông D, bà H cũng xác định ông D, bà H có tham gia chơi hui trong các dây hui mà bà L làm chủ và hiện nay bà L còn thiếu lại ông D, bà H 261.360.000 đồng nhưng sau đó có trả được 6.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại vợ chồng ông 255.360.000 đồng.

Như vậy, lời khai của ông D, bà H phù hợp với danh sách hui và lời khai của những người tham gia chơi hui cùng ông D, bà H. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Ông D, bà H yêu cầu bà L, ông Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông, bà số tiền hui 255.360.000 đồng.

Xem xét yêu cầu liên đới thấy rằng, mặc dù, ông Tr có cùng bà Linh xác lập hợp đồng về hui với ông D, bà H hay không, nhưng hiện nay bà L với ông Tr không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân ông bà không hợp pháp, vì vậy ông D, bà H yêu cầu bà L, ông Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hui 255.360.000 đồng là không có cơ sở.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông D, bà H tại phiên Tòa vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa ngày 17.02.2023 người đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ L là ông Nguyễn Thành Th trình bày: Đối với số nợ ông D, bà H vừa trình bày thì bà L cũng thống nhất hiện nay còn nợ ông D, bà H 255.360.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình bà L hiện nay khó khăn, cho bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền hui 255.360.000 đồng

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D, bà H không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tr D và bà Nguyễn Ngọc H.

Buộc bà Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tr D và bà Nguyễn Ngọc H số tiền nợ hụi là 255.360.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tr D và bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Mỹ L trả ông, bà số tiền hụi 255.360.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 12.768.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng)

Ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H số tiền tạm ứng án phí 6.386.000 đồng (*sáu triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn*) đồng mà ông Nguyễn Tr D, bà Nguyễn Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012644 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM cấp ngày 17 tháng 10 năm 2022.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn